

Bản án số: 34/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 02- 6-2022

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚ MỸ, TỈNH BÀ RỊA –VŨNG TÀU**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Minh Nghĩa

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Phan Thị Sơn

Ông Hoàng Văn Khoa

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trịnh Thị Hằng –Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ tham gia phiên tòa:*** Bà Trịnh Ngọc Hồng Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 448/2021/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2021 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2022/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Đ, sinh năm 1965 (có mặt)

Địa chỉ: Tổ 7, khu phố Ô , phường T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Ngọc S, sinh năm 1965 (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 7, khu phố Ô, phường T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***\* Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn Bà Lê Thị Đ trình bày:***

Bà Đ và Ông Nguyễn Ngọc S chung sống với nhau từ năm 1985, không tổ chức đám cưới và cũng không đăng ký kết hôn. Đến ngày 12-10-2006, bà Đ, Ông S mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T (nay là thị xã P), tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Trong thời gian sinh sống Ông S thường xuyên chửi, đánh bà Đ vô cớ nên cuộc sống vợ chồng căng thẳng, không hạnh phúc. Bà Đ có khuyên nhủ và cho Ông S nhiều cơ hội nhưng Ông S không thay đổi. Năm 2011, bà Đ bỏ đi và đến tỉnh Bình Dương làm việc. Đến năm 2019, do con gái lập gia đình nên bà Đ trở về và đi làm tại huyện T. Trong thời gian này Ông S vẫn tiếp tục đánh bà Đ nên vợ chồng sống ly thân và bà Đ chuyển ra ngoài sinh sống. Đến tháng 6/2021, bà Đ về nhà chăm con gái sinh thì Ông S tiếp tục đánh bà Đ ba lần mà không có lý do. Nay bà Đ cho rằng mâu thuẫn giữa vợ chồng quá lớn, không thể hòa giải nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà Đ được ly hôn với Ông S.

Về con chung: Bà Đ, Ông S có hai con chung là Nguyễn Ngọc Trường, sinh năm 1988 và Nguyễn Thị Ngọc Trang, sinh năm 1993. Hai con chung đã trưởng thành nên bà Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**\* *Tại bản biên bản lấy lời khai và quá trình tố tụng, bị đơn Ông Nguyễn Ngọc S trình bày:***

Ông S xác nhận quá trình kết hôn và con chung như bà Đ trình bày là đúng. Vợ chồng chung sống đến năm 2001, do bà Đ làm ăn thua lỗ nên vợ chồng phải bán nhà để trả nợ cho bà Đ. Ông S thừa nhận thời gian khoảng 5 đến 7 năm trước (trước lúc bà Đ bỏ nhà đi) vợ chồng có xảy ra cãi vã, do ông ăn nhậu về có chửi bới bà Đ, sau đó bà Đ bỏ nhà đi một thời gian và lại quay về sống với nhau được một thời gian ngắn.

Thời gian cuối năm 2021, con gái sinh nên bà Đ về chăm thì Ông S có la, chửi bà Đ vì chuyện tiền bạc và bà Đ đi đám ma về trễ. Sau đó thì bà Đ bỏ đi và vợ chồng sống ly thân. Nay Ông S không đồng ý ly hôn vì Ông S vẫn còn tình cảm với bà Đ.

Ông S xác nhận vợ chồng có hai con chung hiện đã trưởng thành nên Ông S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ:***

- *Về tố tụng:* Trong quá trình giải quyết, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng đúng quy định của pháp luật.

Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về nội dung:* Căn cứ vào lời khai của các đương sự nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Đ, Ông S đã đến mức trầm trọng và không thể hàn gắn được. Do đó cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đ, cho bà Đ được ly hôn với Ông S.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng.

[1.1] *Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết:*

Bị đơn cư trú tại tổ 7, khu phố Ô, phường T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và tranh chấp giữa các bên thuộc loại quan hệ về “Ly hôn”. Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

[1.2] *Về việc vắng mặt bị đơn:*

Ông Nguyễn Ngọc S đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng Ông S vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, căn cứ điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[2] Nội dung giải quyết.

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân:*

Quan hệ hôn nhân giữa bà Đ và Ông S là hợp pháp, do cả hai đã tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T (nay là phường T, thị xã P), tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đúng quy định của pháp luật.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng Ông S, bà Đ phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là về vấn đề kinh tế gia đình. Ông S đã nhiều lần có hành vi đánh, chửi bà Đ, từ đó vợ chồng không hòa hợp trong cách sống, không còn quan tâm chăm sóc, yêu thương, chia sẻ với nhau. Mâu thuẫn giữa bà Đ và Ông S kéo dài từ năm 2007 đến năm 2020 và đỉnh điểm là vào năm 2021 nên bà Đ quyết định nộp đơn khởi kiện xin ly hôn.

Đối với Ông S mặc dù không đồng ý ly hôn với bà Đ nhưng cũng không đưa ra được những biện pháp hòa giải để vợ chồng đoàn tụ. Mặt khác, quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổ chức nhiều buổi hòa giải nhằm tạo điều kiện cho các bên hàn gắn tình cảm, quay về chung sống cùng nhau nhưng Ông S chỉ tham gia duy nhất một buổi hòa giải lần đầu, còn các lần khác Ông S vắng mặt không có lý do, điều đó một phần cho thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng bà Đ, Ông S đã trầm trọng và không thể hàn gắn được.

Nhận thấy mâu thuẫn giữa bà Đ và Ông S đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Tại phiên tòa bà Đ vẫn kiên quyết xin ly hôn, do đó cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đ, cho bà Đ được ly hôn với Ông S.

[2.2] *Về con chung:* Bà Đ và Ông S có hai con chung đã trưởng thành là Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1988 và Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1993. Do các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[2.3] *Về tài sản chung, nợ chung:* Bà Đ, Ông S không yêu cầu giải quyết nên

không xem xét.

[3] Về án phí: Bà Lê Thị Đ phải chịu 300.000 đồng.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 217, 218, 227, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Lê Thị Đ

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Đ được ly hôn với Ông Nguyễn Ngọc S

- Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Lê Thị Đ phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0005698 ngày 23-12-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Như vậy, bà Đ đã nộp đủ án phí.

3. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án (02-6-2022), các đương sự có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm (đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai).

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND thị xã Phú Mỹ;
- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Chi cục THADS thị xã Phú Mỹ;
- UBND P. T, thị xã P  
tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Lưu hồ sơ.

**Nguyễn Minh Nghĩa**